

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 08 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán
ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT VÕ MINH ĐỨC

Căn cứ theo nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ .

Căn cứ quyết định số 2801/QĐ-SGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2025 quyết định về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026.

Căn cứ quyết định số 503/QĐ-SGDĐT ngày 09 tháng 02 năm 2026 quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 1).

Căn cứ quyết định số 791/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 03 năm 2026 quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 2).

Căn cứ quyết định số 2267/QĐ-SGDĐT ngày 07 tháng 07 năm 2026 quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 5).

Căn cứ quyết định số 2491/QĐ-SGDĐT ngày 15 tháng 07 năm 2026 quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 6).

Căn cứ quyết định số 3759/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 08 năm 2026 quyết định về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11).

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) (theo các biểu đính kèm).



Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng, và các bộ phận liên quan có nhiệm vụ thực hiện theo quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo trường;
- Lưu VT, Tr.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Nguyễn Thanh Tuấn



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 519/QĐ-THPTVMĐ ngày 07/08/2026 của Trường THPT Võ Minh Đức)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí, sự nghiệp	0
1	Thu sự nghiệp	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí (HP buổi 2)	
	Phí ...(căn tin)	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí , thu sự nghiệp được để lại	0
1	Chi sự nghiệp	0
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	
I	Nguồn ngân sách trong nước	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	44.796.676
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên- 13	0
3.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên-14	0
3.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	44.796.676
	Chi từ ngân sách thành phố - 12	20.766.284
	Chi từ nguồn cải cách tiền lương - 14	22.966.392
	Chi từ nguồn cải cách tiền lương - 18	1.064.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
5	Chi bảo đảm xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên



Phạm Nguyễn Thanh Tuấn



Số: 3759 /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 8 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 11) nhiệm vụ chi lương và kinh phí tổ chức các hoạt động sinh hoạt Hè của 197 đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo (danh sách theo phụ lục đính kèm) với tổng số tiền phân bổ là: 25.458.927 ngàn đồng (Hai mươi lăm tỷ, bốn trăm năm mươi tám triệu, chín trăm hai mươi bảy ngàn đồng).

Điều 2. Căn cứ dự toán chi bổ sung ngân sách năm 2026 (lần 11) được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. 

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC (Ng). 



GIÁM ĐỐC


Nguyễn Tấn Phát



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP PHÂN BỐ DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 (ĐIỀU CHỈNH LẦN 11)

(Đính kèm quyết định số: 3759/QĐ-SGDĐT ngày 08 tháng 08 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị: 1.000 đồng																		
STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHINGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THÂM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	TỔNG CỘNG	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
														CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,8 TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34 TRĐ LÊN 2,53 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÈNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,54 TRĐ LÊN 2,83 TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4=5+8	5=6+10	6=7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14	
TỔNG CỘNG																		
1	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục)	422	070	098	(20.858.149)	(20.858.149)	(20.858.149)	(20.858.149)	(7.874.390)	(995.754)	(11.988.005)	-	-	-	-	-	
	1040015	Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo (Sự nghiệp giáo dục) (Nguồn CCTL NSTP)	422	070	098	(4.600.778)	(4.600.778)	(4.600.778)	-	-	-	-	(4.600.778)	(1.742.311)	(1.804.428)	(1.054.039)		
TỔNG CỘNG																		
1	1006376	Trung tâm GDTX Lê Quý Đôn	422	070	075	4.500	4.500	4.500	4.500	7.874.390	995.754	11.988.005	4.600.778	1.742.311	1.804.428	1.054.039		
2	1052360	Trung tâm GDTX Chu Văn An	422	070	075	39.720	39.720	39.720	39.720	-	-	39.720	-	-	-	-		
3	1076866	Trung tâm GD KTTN và HN Lê Thị Hồng Gấm	422	070	075	48.160	48.160	48.160	48.160	-	-	48.160	-	-	-	-		
4	1072912	Trường THPT Bùi Thị Xuân	422	070	074	84.900	84.900	84.900	84.900	-	-	84.900	-	-	-	-		
5	1061105	Trường THPT Trung Vương	422	070	074	88.800	88.800	88.800	88.800	-	-	88.800	-	-	-	-		
6	1060634	Trường THPT chuyên Trần Đại Nghĩa	422	070	074	89.700	89.700	89.700	89.700	-	-	89.700	-	-	-	-		
7	1133410	Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa	422	070	074	9.332.541	9.332.541	9.332.541	6.893.221	6.014.762	834.859	43.600	2.439.320	-	1.804.428	634.892		
8	1069844	Trường THPT Ten Lơ Mán	422	070	074	68.000	68.000	68.000	68.000	-	-	68.000	-	-	-	-		
9	1086001	Trường THPT Lương Thế Vinh	422	070	074	90.160	90.160	90.160	90.160	-	-	90.160	-	-	-	-		
10	1069843	Trường THPT Giồng Ông Tố	422	070	074	64.240	64.240	64.240	64.240	-	-	64.240	-	-	-	-		
11	1003700	Trường THPT Thủ Thiêm	422	070	074	67.600	67.600	67.600	67.600	-	-	67.600	-	-	-	-		
12	1003702	Trường THPT Lê Quý Đôn	422	070	074	58.520	58.520	58.520	58.520	-	-	58.520	-	-	-	-		
13	1039166	Trường THPT Marie Curie	422	070	074	127.800	127.800	127.800	127.800	-	-	127.800	-	-	-	-		

Aburba

STT	Mã QHNS	ĐƠN VỊ	Chương	Loại	Khoản	DỰ TOÁN CHÍNH NHÃN SÁCH NHÀ NƯỚC	CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN	KINH PHÍ NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYỀN (nguồn 12)	KINH PHÍ CHI LƯƠNG	PHỤ CẤP THẨM NIÊN NHÀ GIÁO	KINH PHÍ SINH HOẠT HỀ	NGUỒN CCTL NSTP (nguồn 14)				GHI CHÚ
													TỔNG CỘNG	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 1,49TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	CHI CHÉNH LỆCH TĂNG MLCS TỪ 2,34TRĐ LÊN 2,34TRĐ (nguồn CCTL NSTP - nguồn 14)	
A	B	C	D	E	F	3	4+5+8	5+6+10	6+7+8+9	7	8	9	10=11+12+13	11	12	13	14
104	1127428	Trường THCS - THPT Thanh An	422	070	074	13.865	13.865	13.865	13.865			13.865	-				14
105	1129175	Trường THPT Hồ Thị Bì	422	070	074	83.800	83.800	83.800	83.800			83.800	-				
106	1129141	Trường THPT Dương Văn Thì	422	070	074	61.480	61.480	61.480	61.480			61.480	-				
107	1129109	Trường THPT Phong Phú	422	070	074	61.000	61.000	61.000	61.000			61.000	-				
108	1129198	Trường THPT Bình Chiểu	422	070	074	82.300	82.300	82.300	82.300			82.300	-				
109	1035599	Trường THPT nâng cao Thê dục Thê thao	422	070	074	25.680	25.680	25.680	25.680			25.680	-				
110	1154372	Trường THPT Hoàng Thê Thiện	422	070	074	3.338.519	3.338.519	3.338.519	2.040.523	1.859.628	160.895	20.000	1.297.996	1.060.862			237.134
111	1085121	Trường THPT An Mỹ	422	070	074	39.500	39.500	39.500	39.500			39.500	-				
112	1085122	Trường THPT Chuyên Hùng Vương	422	070	074	37.000	37.000	37.000	37.000			37.000	-				
113	1085123	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	422	070	074	40.320	40.320	40.320	40.320			40.320	-				
114	1085124	Trường THPT Bình Phú - Bình Dương	422	070	074	44.960	44.960	44.960	44.960			44.960	-				
115	1085125	Trường THPT Võ Minh Đức	422	070	074	48.640	48.640	48.640	48.640			48.640	-				
116	1084070	Trường THPT Bến Cát	422	070	074	59.500	59.500	59.500	59.500			59.500	-				
117	1084069	Trường THPT Tây Nam	422	070	074	37.500	37.500	37.500	37.500			37.500	-				
118	1004179	Trường THPT Nguyễn Trãi - Bình Dương	422	070	074	47.950	47.950	47.950	47.950			47.950	-				
119	1004186	Trường THPT Trịnh Hoài Đức	422	070	074	41.400	41.400	41.400	41.400			41.400	-				
120	1085127	Trường THPT Trần Văn Ôn	422	070	074	68.600	68.600	68.600	68.600			68.600	-				
121	1131135	Trường THPT Lý Thái Tổ	422	070	074	78.000	78.000	78.000	78.000			78.000	-				
122	1015603	Trường THPT Huỳnh Văn Nghệ	422	070	074	36.600	36.600	36.600	36.600			36.600	-				
123	1017932	Trường THPT Thái Hòa	422	070	074	35.360	35.360	35.360	35.360			35.360	-				
124	1019589	Trường THPT Tân Phước Khánh	422	070	074	35.400	35.400	35.400	35.400			35.400	-				
125	1084061	Trường THPT Nguyễn An Ninh - Bình Dương	422	070	074	52.000	52.000	52.000	52.000			52.000	-				